

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 44/2021/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính Tổng  
hợp soát xét năm 2021.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
.....oOo.....

TP.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trực sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Tổng hợp soát xét năm 2021 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch báo cáo báo cáo tài chính Tổng hợp soát xét trước và sau kiểm toán năm 2021.
- Giải trình chênh lệch báo cáo tài chính Tổng hợp kiểm toán soát xét so với cùng kỳ.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/08/2021 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

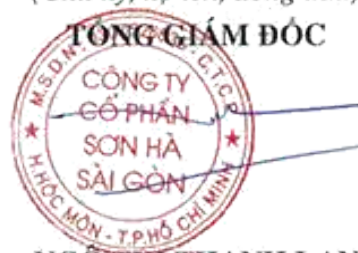
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



**NGÔ THỊ THANH LAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN NGÀY 30/06/2021**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 43

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên	
Ông Lê Văn Thành	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

**Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Văn Dũng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Thị Thanh Lan  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Minh Long**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>575.569.256.557</b>	<b>585.427.461.092</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	89.997.023.743	108.372.200.942
Tiền	111		89.997.023.743	108.372.200.942
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.666.559.735	275.904.821.686
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	262.068.573.475	269.280.480.154
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.567.634.235	2.380.361.119
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.766.325.474	5.987.166.890
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.740.913.450)	(1.748.126.478)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	9	202.052.057.117	197.364.495.897
Hàng tồn kho	141		202.052.057.117	197.364.495.897
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.853.615.962	3.785.942.567
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.504.619.675	1.813.433.911
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.090.549.683	1.529.413.811
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	258.446.604	443.094.845
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>238.228.617.171</b>	<b>210.679.777.708</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		545.046.684	545.046.684
Phải thu dài hạn khác	216	8	545.046.684	545.046.684
Tài sản cố định	220		113.672.390.690	100.823.858.755
Tài sản cố định hữu hình	221	10	73.561.922.402	59.814.140.643
- Nguyên giá	222		131.530.811.695	112.069.705.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.968.889.293)	(52.255.564.504)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	4.152.577.372	4.490.750.032
- Nguyên giá	225		5.254.881.818	5.254.881.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.102.304.446)	(764.131.786)
Tài sản cố định vô hình	227	12	35.957.890.916	36.518.968.080
- Nguyên giá	228		46.109.659.444	46.109.659.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.151.768.528)	(9.590.691.364)
Tài sản dở dang dài hạn	240		38.602.693.968	31.250.063.968
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	38.602.693.968	31.250.063.968
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.408.485.829	8.060.808.301
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	15.408.485.829	8.060.808.301
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>813.797.873.728</b>	<b>796.107.238.800</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2021	Tại 01/01/2021
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>462.986.250.535</b>	<b>448.470.619.883</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>458.012.677.423</b>	<b>445.607.695.043</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	103.041.570.999	109.320.236.901
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.428.424.523	5.370.853.061
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	852.690.785	1.912.267.991
Phải trả người lao động	314		6.556.627.691	10.353.454.629
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	19.997.956.547	10.633.384.388
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	320.885.986	238.103.225
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	318.532.614.048	305.749.369.016
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.281.906.844	2.030.025.832
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.973.573.112</b>	<b>2.862.924.840</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	277.419.000	291.919.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	4.696.154.112	2.571.005.840
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>350.811.623.193</b>	<b>347.636.618.917</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>350.811.623.193</b>	<b>347.636.618.917</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		318.539.760.000	318.539.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		318.539.760.000	318.539.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.686.797.071	12.175.510.997
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.835.066.122	17.171.347.920
- LNST chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		15.132.180.835	(10.455.338.106)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.702.885.287	27.626.686.026
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>813.797.873.728</b>	<b>796.107.238.800</b>



**Ngô Thị Thanh Lan**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**Nguyễn Văn Dũng**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Thu Hạnh**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	417.069.012.572	376.146.224.725
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	27.785.886.289	21.663.247.560
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		389.283.126.283	354.482.977.165
Giá vốn hàng bán	11	22	343.999.273.319	304.893.044.144
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.283.852.964	49.589.933.021
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.844.187.396	15.454.871.449
Chi phí tài chính	22	24	9.604.816.719	9.285.487.204
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.352.924.521	8.922.782.888
Chi phí bán hàng	25	25	24.951.292.250	26.517.503.780
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.390.486.248	10.167.999.228
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.181.445.143	19.073.814.258
Thu nhập khác	31	26	1.569.922.731	661.474.325
Chi phí khác	32	27	27.190.078	754.625.656
Lợi nhuận khác	40		1.542.732.653	(93.151.331)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.724.177.796	18.980.662.927
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.021.292.509	1.062.011.075
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.702.885.287	17.918.651.852



Ngô Thị Thanh Lan  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.724.177.796	18.980.662.927
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.612.574.613	4.401.695.805
Các khoản dự phòng	03		(7.213.028)	12.682.012
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(64.575.176)	(13.287.613.685)
Chi phí lãi vay	06		9.352.924.521	8.922.782.888
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>20.617.888.726</b>	<b>19.030.209.947</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		868.987.348	(31.569.586.170)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(4.687.561.220)	(18.535.816.800)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.883.230.556	16.484.508.622
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		(7.038.863.292)	1.811.324.069
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.460.140.192)	(9.007.489.087)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.424.336.132)	(1.860.395.911)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.759.205.794</b>	<b>(23.647.245.330)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.833.860.565)	(3.036.559.376)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	251.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64.575.176	14.027.828.296
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(35.769.285.389)</b>	<b>11.243.087.102</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		348.953.099.139	268.269.770.675
Tiền trả nợ gốc vay	34		(333.624.557.287)	(275.590.464.992)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(420.148.548)	(264.926.316)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(273.490.909)	(243.251.507)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14.634.902.395</b>	<b>(7.828.872.140)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(18.375.177.199)</b>	<b>(20.233.030.368)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	108.372.200.942	52.192.285.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	89.997.023.743	31.959.254.963



Ngô Thị Thanh Lan  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Văn Dũng  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 14 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 318.539.760.000 đồng (Ba trăm lẻ ba tỷ ba trăm bảy mươi một triệu hai trăm ngàn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2016, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Điện thoại : (84-8) 3710 0101  
Fax : (84-8) 6251 9574  
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	Số 31, Tổ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Tổ 9, Phường Nghĩa Thành, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	23/4B Nguyễn Việt Dũng, P. Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đàng A, Xã Cour Đàng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Lô 02-B4, KĐT Phước Long - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GDCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Áp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Áp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 Công ty có 292 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2019 là 300 nhân viên).

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là :

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất giày dép; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng, sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Điều hành tour du lịch, đại lý du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Đúc sắt, thép;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở vận tải như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung; Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà các loại, công trình công ích;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Chi tiết: sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất; Sửa chữa đồ dùng gia đình;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

**2.2. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2020.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### 3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### *Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- d. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 3.4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) và dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

##### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ phù hợp. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

##### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

##### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÔN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**3.8 THUẾ TÀI SẢN**

Một khoản thuế được xem là thuế tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuế khác được xem là thuế hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuế tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuế tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phần gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản***

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

***Chi phí quảng cáo, thuê nhà***

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

**3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.14 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

#### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.17 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### 3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
Tiền mặt	10.099.434.516	4.951.663.951
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.897.589.227	103.420.536.991
<b>Cộng</b>	<b>89.997.023.743</b>	<b>108.372.200.942</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.504.619.675</b>	<b>1.813.433.911</b>
- Chi phí trả trước về thuê kho	602.658.335	501.000.000
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	186.664.654	209.293.878
- Chi phí bảo hiểm	374.558.904	773.566.850
- Chi phí sửa chữa	104.145.991	183.551.108
- Các khoản khác	236.591.791	146.022.075
<b>Dài hạn</b>	<b>15.408.485.829</b>	<b>8.060.808.301</b>
- Chi phí Công cụ dụng cụ	4.494.209.191	1.782.461.152
- Chi phí sửa chữa	3.021.655.111	243.403.942
- Chi phí mua bảo hiểm	4.870.014	9.001.704
- Chi phí quảng cáo	3.408.533.332	340.853.326
- Thuế đất - Cần Thơ	3.516.339.008	4.269.840.224
- Các khoản khác	962.879.173	1.415.247.953
<b>Cộng</b>	<b>16.913.105.504</b>	<b>9.874.242.212</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 30/06/2021	Tại 01/01/2021
	VND	VND
Quyền sử dụng đất (*)	31.072.093.700	31.072.093.700
Xây dựng nhà máy Cần Thơ	7.530.600.268	177.970.268
<b>Cộng</b>	<b>38.602.693.968</b>	<b>31.250.063.968</b>

(\*) Bao gồm:

Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất 1.000 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>262.068.573.475</b>	<b>(1.740.913.450)</b>	<b>269.280.480.154</b>	<b>(1.748.126.478)</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Thép Hải Phát	39.279.099.506	-	45.161.214.506	-
- Công ty TNHH Cơ Khí - Thương Mại - Dịch Vụ Thiên Thành Lợi	36.374.605.277	-	42.487.859.502	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	31.290.246.590	-	41.908.664.490	-
- Công ty TNHH TM DV và Phát Triển Hưng Thịnh	15.040.890.851	-	33.836.571.041	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	14.445.321.200	-	15.057.493.943	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	14.704.772.930	-	10.702.655.930	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh (trước là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)	9.125.133.112	-	7.981.283.647	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	2.712.402.125	-	2.712.402.125	-
- Công ty CP ĐT PT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	-	617.175.249	-
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.295.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.534	(822.711.534)	822.711.534	(822.711.534)
- Các đối tượng khác	96.767.919.885	(29.806.700)	67.104.152.971	(37.019.728)
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>262.068.573.475</b>	<b>(1.740.913.450)</b>	<b>269.280.480.154</b>	<b>(1.748.126.478)</b>
<b>Cộng</b>	<b>26.900.031.686</b>	<b>-</b>	<b>26.368.354.964</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>14.445.321.200</b>	<b>-</b>	<b>15.057.493.943</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2.712.402.125	-	2.712.402.125	-
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	9.125.133.112	-	7.981.283.647	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh (trước là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)	617.175.249	-	617.175.249	-
- Công ty CP ĐT PT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÓN**  
292/5 ấp Tam Đông 2, xã Trúit Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.766.325.474	-	5.987.166.890	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.204.964.003	-	1.036.663.894	-
- Ký cược, ký quỹ	117.139.316	-	117.139.316	-
- Kinh phí công đoàn	-	-	59.127.031	-
- Bảo hiểm xã hội	145.127.534	-	454.082.229	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	299.094.621	-	320.154.420	-
- Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Dài hạn	545.046.684	-	545.046.684	-
- Ký cược, ký quỹ	545.046.684	-	545.046.684	-
<b>Cộng</b>	<b>6.311.372.158</b>	<b>-</b>	<b>6.532.213.574</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	2.722.889.185	-	596.911.721	-
Nguyên liệu, vật liệu	76.237.855.413	-	83.168.306.048	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.025.341.296	-	5.570.059.469	-
Thành phẩm	25.402.583.773	-	24.309.173.228	-
Hàng hóa	92.663.387.450	-	83.720.045.431	-
<b>Cộng</b>	<b>202.052.057.117</b>	<b>-</b>	<b>197.364.495.897</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị động cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2021	38.505.751.449	22.242.042.201	44.940.062.497	6.381.849.000	112.069.705.147
- Mua trong kỳ	11.992.045.455	6.088.780.185	1.224.000.000	156.280.908	19.461.106.548
- Phân loại lại tài sản	-	1.125.766.448	(1.125.766.448)	-	-
30/06/2021	50.497.796.904	29.456.588.834	45.038.296.049	6.538.129.908	131.530.811.695

**HAO MÔN LŨY KẾ**

01/01/2021	(11.417.658.244)	(18.228.211.847)	(22.161.411.435)	(448.282.978)	(52.255.564.504)
- Khấu hao trong kỳ	(2.362.036.227)	(761.362.826)	(1.973.155.556)	(616.770.180)	(5.713.324.789)
- Phân loại lại tài sản	-	94.103.921	(94.103.921)	-	-
30/06/2021	(13.779.694.471)	(18.895.470.752)	(24.228.670.912)	(1.065.053.158)	(57.968.889.293)

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

01/01/2021	27.088.093.205	4.013.830.354	22.778.651.062	5.933.566.022	59.814.140.643
30/06/2021	36.718.102.433	10.561.118.082	20.809.625.137	5.473.076.750	73.561.922.402

Tại ngày 30/06/2021, Tài sản cố định công trình văn phòng và nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 87.553.135.034 đồng và 54.033.877.036 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021: 22.022.939.684 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
01/01/2021	5.254.881.818	5.254.881.818
30/06/2021	5.254.881.818	5.254.881.818
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2021	(764.131.786)	(764.131.786)
- Khấu hao trong kỳ	(338.172.660)	(338.172.660)
30/06/2021	(1.102.304.446)	(1.102.304.446)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2021	4.490.750.032	4.490.750.032
30/06/2021	4.152.577.372	4.152.577.372

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
01/01/2021	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
- Mua trong kỳ	-	-	-
30/06/2021	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2021	(9.011.632.457)	(579.058.907)	(9.590.691.364)
- Khấu hao trong kỳ	(502.385.412)	(58.691.752)	(561.077.164)
- Phân loại lại	26.781.346	(26.781.346)	-
30/06/2021	(9.487.236.523)	(664.532.005)	(10.151.768.528)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2021	36.144.967.987	374.000.093	36.518.968.080
30/06/2021	35.669.363.921	288.526.995	35.957.890.916

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m<sup>2</sup> tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2021 là 409.732.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (1)	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-

(1) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 22/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bao gồm: sản xuất, chế biến, đóng gói, vận chuyển, phân phối và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngân hàng</b>	<b>103.041.570.999</b>	<b>103.041.570.999</b>	<b>109.320.236.901</b>	<b>109.320.236.901</b>
- Công ty TNHH Posco VST	7.244.329.686	7.244.329.686	6.721.278.808	6.721.278.808
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	338.206.233	338.206.233	260.127.137	260.127.137
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	490.135.709	490.135.709	2.176.307.780	2.176.307.780
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	86.746.421.129	86.746.421.129	86.819.938.211	86.819.938.211
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.259.180.277	5.259.180.277	7.911.736.059	7.911.736.059
- Các đối tượng khác	2.963.297.965	2.963.297.965	5.430.848.906	5.430.848.906
<b>Dải hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>103.041.570.999</b>	<b>103.041.570.999</b>	<b>109.320.236.901</b>	<b>109.320.236.901</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>92.833.943.348</b>	<b>92.833.943.348</b>	<b>97.675.374.274</b>	<b>97.675.374.274</b>
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	338.206.233	338.206.233	260.127.137	260.127.137
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	86.746.421.129	86.746.421.129	86.819.938.211	86.819.938.211
- Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	490.135.709	490.135.709	2.176.307.780	2.176.307.780
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.259.180.277	5.259.180.277	7.911.736.059	7.911.736.059
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	-	-	390.308.297	390.308.297
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh (trước là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)	-	-	116.956.790	116.956.790

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	542.589.743	2.650.845.198	2.918.335.520	275.099.421
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	756.991	756.991	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	980.634.988	1.021.292.509	1.424.336.132	577.591.364
- Thuế thu nhập cá nhân	389.043.260	159.558.909	548.602.169	-
- Các loại thuế khác	-	31.000.000	31.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.912.267.991</b>	<b>3.863.453.607</b>	<b>4.923.030.812</b>	<b>852.690.785</b>
	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	443.094.845	2.928.182.835	2.709.477.743	224.389.753
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	34.056.851	34.056.851
<b>Cộng</b>	<b>443.094.845</b>	<b>2.928.182.835</b>	<b>2.743.534.594</b>	<b>258.446.604</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.997.956.547</b>	<b>10.633.384.388</b>
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	12.448.949.196	7.384.785.109
- Chi phí quảng cáo	2.249.632.000	204.512.000
- Trích trước chi phí du lịch	1.444.900.001	
- Chi phí lãi vay	234.422.051	338.667.076
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	3.620.053.299	2.705.420.203
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>19.997.956.547</b>	<b>10.633.384.388</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>320.885.986</b>	<b>238.103.225</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	203.695.481	24.107.205
- Kinh phí công đoàn	7.359.069	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	95.331.436	202.496.020
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.500.000	11.500.000
<b>Dài hạn</b>	<b>277.419.000</b>	<b>291.919.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	277.419.000	291.919.000
<b>Cộng</b>	<b>598.304.986</b>	<b>530.022.225</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	Tại 30/06/2021		Trong kỳ		Tại 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	318.532.614.048	318.532.614.048	347.167.876.593	334.384.631.561	305.749.369.016	305.749.369.016
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	89.254.247.034	89.254.247.034	90.450.915.033	75.728.931.022	74.532.263.023	74.532.263.023
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	82.275.023.234	82.275.023.234	95.625.146.272	97.978.909.601	84.628.786.563	84.628.786.563
Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	1.196.184.000	1.196.184.000	1.887.688.000	1.699.696.000	1.008.192.000	1.008.192.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	129.600.000	129.600.000	28.800.000	72.000.000	172.800.000	172.800.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	626.584.000	626.584.000	208.888.000	417.696.000	835.392.000	835.392.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (6)	440.000.000	440.000.000	1.650.000.000	1.210.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (7)	840.297.096	840.297.096	210.074.274	210.074.274	840.297.096	840.297.096
Nợ thuế tài chính (5)	840.297.096	840.297.096	210.074.274	210.074.274	840.297.096	840.297.096
Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	4.696.154.112	4.696.154.112	4.432.984.820	2.307.836.548	2.571.005.840	2.571.005.840
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	2.782.984.820	2.782.984.820	4.432.984.820	1.887.688.000	237.688.000	237.688.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (7)	2.782.984.820	2.782.984.820	4.432.984.820	1.650.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (6)	-	-	-	208.888.000	208.888.000	208.888.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (4)	1.913.169.292	1.913.169.292	-	420.148.548	2.333.317.840	2.333.317.840
Nợ thuế tài chính (5)	1.913.169.292	1.913.169.292	-	420.148.548	2.333.317.840	2.333.317.840
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	323.228.768.160	323.228.768.160	351.600.861.413	336.692.468.109	308.320.374.856	308.320.374.856
<b>Cộng</b>						



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 66/2020-HDCVHM/NHCT944-SONHA ngày 07/09/2020 với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
  - Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 07/09/2020 đến ngày 31/08/2021;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
  - Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng cầm cố số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015, hợp đồng thế chấp số 55/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA ngày 26/10/2015, hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA ngày 02/11/2015, hợp đồng thế chấp số 236/HĐTC ngày 02/12/2016, hợp đồng thế chấp số 237/HĐTC ngày 02/12/2016, hợp đồng thế chấp số 56/HĐTC ngày 14/03/2017, hợp đồng thế chấp số 124/HĐTC ngày 14/06/2017, hợp đồng thế chấp số 130/HĐTC ngày 20/07/2017 và hợp đồng cầm cố số 144/2019/HĐBD/NHCT944-LEHOANGHA ngày 21/11/2019.
- (2) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/7015218/HĐTD ngày 27/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 27/08/2021;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - Các biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ/ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 04/TTD-0001/KHDN/17NH ngày 10/06/2020 kèm theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức ngày 23/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
  - Lãi suất: Áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng một lần kể từ ngày thực tế rút vốn vay;
- (4) Khoản vay theo hợp đồng số 0003/KH/DN/17/DH ký ngày 19/01/2017 số dư vay còn đến 30/06/2021 số tiền: 129.600.000 đồng với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn vốn chi phí đầu tư liên quan đến thanh toán các chi phí hợp lý hợp lệ;
  - Ngày đáo hạn: 28/02/2022;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: 2 xe ô tô Ford.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (5) Thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.
- (6) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 21/2017 – HĐTD/NHCT944-SONHASG ngày 14/03/2017 và phụ lục số 1 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư mua 12 xe tải mui hiệu VEAM-VT260;
  - Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày ký hợp đồng;
  - Lãi suất: 7%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng được điều chỉnh 3 tháng/lần;
  - Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 56/2015-HĐTC/NHCT944-SONHA giữa Công ty và Ngân hàng.
- (7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/7015218/HĐTD từ ngày 07/01/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Số tiền vay: Ngân hàng cho Bên vay vay với tổng số tiền là: 4.000.000.000 đồng nhưng không quá 70% tổng giá trị đầu tư (không bao gồm VAT).
  - Mục đích: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp;
  - Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp thời hạn vay vốn không đủ một (01) ngày, các Bên thỏa thuận thống nhất thời hạn vay được làm tròn thành một (01) ngày.;
  - Lãi suất: 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8.5%/năm. Sau thời gian trên lãi suất cho vay thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 24 tháng cộng biên độ 3.5%/năm, lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần vào ngày mùng 01 đầu tiên của kỳ điều chỉnh, theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh, không thấp hơn lãi suất sàn và không cao hơn lãi suất trần cho vay trung dài hạn của Ngân hàng trong từng thời kỳ.;
  - Các biện pháp đảm bảo: Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có theo dự án và tài sản khác theo quy định BIDV, tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 100% tại mọi thời điểm. Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>303.371.200.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>10.324.226.729</b>	<b>16.250.189.539</b>	<b>329.695.616.268</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	27.626.686.026	27.626.686.026
- Phân phối lợi nhuận trong năm	15.168.560.000	-	1.851.284.268	(26.705.527.645)	(9.685.683.377)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.851.284.268	(1.851.284.268)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(308.547.377)	(308.547.377)
+ Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(9.101.136.000)	(9.101.136.000)
+ Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	15.168.560.000	-	-	(15.168.560.000)	-
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
<b>31/12/2020</b>	<b>318.539.760.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>12.175.510.997</b>	<b>17.171.347.920</b>	<b>347.636.618.917</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>318.539.760.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>12.175.510.997</b>	<b>17.171.347.920</b>	<b>347.636.618.917</b>
- Lãi trong kỳ	-	-	-	3.702.885.287	3.702.885.287
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	1.511.286.074	(2.039.167.086)	(527.881.012)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.007.524.049	(1.007.524.049)	-
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	503.762.025	(503.762.025)	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(251.881.012)	(251.881.012)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
<b>30/06/2021</b>	<b>318.539.760.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>18.835.066.121</b>	<b>350.811.623.192</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết 22/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 27/04/2021 của Đại hội đồng Cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	47.722.750.000	47.722.750.000
Ông Lê Hoàng Hà	27.424.320.000	27.424.320.000
Các Cổ đông khác	243.392.690.000	243.392.690.000
<b>Cộng</b>	<b>318.539.760.000</b>	<b>318.539.760.000</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	318.539.760.000	303.371.200.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	318.539.760.000	303.371.200.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>2.039.167.086</b>	<b>16.571.916.867</b>

**19.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2021 CP	Tại 01/01/2021 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.853.976	31.853.976
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.853.976	31.853.976
+ Cổ phiếu phổ thông	31.853.976	31.853.976
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.853.976	31.853.976
+ Cổ phiếu phổ thông	31.853.976	31.853.976
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19.5 CÁC QUỸ**

	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.686.797.071	12.175.510.997

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>417.069.012.572</b>	<b>376.146.224.725</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	417.069.012.572	376.146.224.725
Doanh thu với các bên liên quan thuyết minh chi tiết tại mục 32.2	9.182.667.219	13.024.526.755

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chiết khấu thương mại	27.047.900.265	17.896.991.483
Hàng bán bị trả lại	737.986.024	3.766.256.077
<b>Cộng</b>	<b>27.785.886.289</b>	<b>21.663.247.560</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	343.999.273.319	304.893.044.144
<b>Cộng</b>	<b>343.999.273.319</b>	<b>304.893.044.144</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.575.176	27.828.296
Nhận cổ tức từ công ty con	-	14.000.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.779.612.220	1.427.043.153
<b>Cộng</b>	<b>3.844.187.396</b>	<b>15.454.871.449</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	9.352.924.521	8.922.782.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	251.892.198	362.704.316
<b>Cộng</b>	<b>9.604.816.719</b>	<b>9.285.487.204</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>11.390.486.248</b>	<b>10.167.999.228</b>
Chi phí nhân viên	2.928.065.155	3.205.185.059
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.144.571	96.084.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.267.494.094	1.293.148.469
Hoàn nhập/ dự phòng phải thu khó đòi	(7.213.028)	12.682.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.779.394.259	2.021.462.093
Chi phí khác	5.318.522.097	3.539.437.150
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>24.951.292.250</b>	<b>26.517.503.780</b>
Chi phí nhân viên	14.863.835.491	18.512.641.863
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.521.919.713	771.301.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.879.739.523	1.791.741.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.612.358.660	1.727.625.617
Chi phí khác	2.073.438.863	3.714.193.047

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thu tiền cho thuê tài sản	-	175.121.940
Các khoản thu nhập khác	1.569.922.731	486.352.385
<b>Cộng</b>	<b>1.569.922.731</b>	<b>661.474.325</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	752.530.525
Các khoản chi phí khác	27.190.078	2.095.131
<b>Cộng</b>	<b>27.190.078</b>	<b>754.625.656</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.724.177.796</b>	<b>18.980.662.927</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>382.284.750</b>	<b>329.392.450</b>
- Khấu hao TSCĐ	220.325.000	318.748.801
- Phần vượt mức trích nộp các quỹ an sinh xã hội	80.998.500	
- Các khoản chi phí (phạt)	-	10.643.649
- Chi phí không hợp lý khác (không đầy đủ hóa đơn chứng từ)	80.961.250	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>14.000.000.000</b>
- Cổ tức từ Công ty con chuyển về	-	14.000.000.000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>5.106.462.546</b>	<b>5.310.055.377</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.021.292.509</b>	<b>1.062.011.075</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.021.292.509</b>	<b>1.062.011.075</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	83.637.584.345	86.773.947.221
Chi phí nhân công	20.690.697.361	25.077.321.487
Khấu hao tài sản cố định	6.612.574.613	4.401.695.805
Hoàn nhập/ dự phòng phải thu khó đòi	(7.213.028)	12.682.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.321.628.724	4.723.427.034
Chi phí khác	7.723.789.679	7.629.904.141
<b>Cộng</b>	<b>123.979.061.694</b>	<b>128.618.977.700</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Tại 30/06/2021	Tại 01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
+ USD	96,70	29.066,88

**32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh (trước là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>631.265.000</b>	<b>435.846.000</b>
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	55.751.000	230.875.000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	208.316.000	204.971.000
<b>Thù lao của Hội đồng quản trị</b>	<b>102.000.000</b>	<b>102.000.000</b>
1. Chủ tịch: Lê Hoàng Hà	30.000.000	30.000.000
2. Thành Viên: Lê Văn Ngà	18.000.000	18.000.000
3. Thành Viên: Nguyễn Văn Thuận	18.000.000	18.000.000
4. Thành Viên: Lê Văn Thành	18.000.000	18.000.000
5. Thành Viên: Lê Thị Thu Thủy	18.000.000	18.000.000
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>	<b>36.000.000</b>	<b>36.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà</b>		
Đi thuê tài sản	70.661.815	60.567.270
Bán hàng hóa	-	40.560.000
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	4.209.848.100	4.730.084.585
Chiết khấu thương mại	-	62.268.586
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	10.920.649
Xuất trả hàng	30.841.159	-
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	138.078.069.953	84.270.369.048
Chiết khấu thanh toán	3.779.612.220	1.427.043.153
Chiết khấu thương mại	-	6.195.409.037
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	149.755.117	31.516.733
Cho thuê tài sản		79.721.940
<b>Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà</b>		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	3.889.815.182	3.351.201.087
Hàng hóa trả lại		24.520.100
<b>Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai</b>		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	147.160.706.070	133.887.375.683
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	7.993.048.952	9.396.057.956
Lợi nhuận SHQ chuyển về	-	14.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh (trước là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)</b>		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	43.126.478.980
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	1.039.863.150	3.545.471.417
Thanh lý tài sản	-	70.000.000
Cho thuê tài sản	-	95.400.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.2 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2021 VND	Tại 01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>26.900.031.686</b>	<b>26.368.354.964</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	14.445.321.200	15.057.493.943
- Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2.712.402.125	2.712.402.125
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh (trước là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)	9.125.133.112	7.981.283.647
- Công ty CP ĐT PT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	617.175.249	617.175.249
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>92.833.943.348</b>	<b>97.675.374.274</b>
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	338.206.233	260.127.137
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	86.746.421.129	86.819.938.211
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	490.135.709	2.176.307.780
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.259.180.277	7.911.736.059
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	-	390.308.297
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh (trước là Công ty Cổ phần Toàn Thắng)	-	116.956.790

**32.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	147.918.229.573	241.364.896.710	389.283.126.283
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>147.918.229.573</b>	<b>241.364.896.710</b>	<b>389.283.126.283</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.497.137.016	9.786.715.948	45.283.852.964
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(36.341.778.498)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>8.942.074.466</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			3.844.187.396
Chi phí tài chính			(9.604.816.719)
Thu nhập khác			1.569.922.731
Chi phí khác			(27.190.078)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.021.292.509)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>3.702.885.287</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.3 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	167.996.526.605	186.486.450.560	354.482.977.165
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>167.996.526.605</b>	<b>186.486.450.560</b>	<b>354.482.977.165</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.754.255.366	4.835.677.655	49.589.933.021
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(36.685.503.008)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>12.904.430.013</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			15.454.871.449
Chi phí tài chính			(9.285.487.204)
Thu nhập khác			661.474.325
Chi phí khác			(754.625.656)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.062.011.075)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>17.918.651.852</b>

**32.4 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Đến thời điểm công bố báo cáo tài chính này, Thành phố Hồ Chí Minh đang thực hiện giãn cách xã hội toàn thành phố theo tinh thần của Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang đánh giá ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc triển khai các biện pháp tiết kiệm, cắt giảm chi phí nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét.



\_\_\_\_\_  
**Ngô Thị Thanh Lan**  
**Tổng Giám đốc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021*

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Dũng**  
**Kế toán trưởng**

\_\_\_\_\_  
**Trần Thị Thu Hạnh**  
**Người lập**